

TRUNG LẬP - Giá mục tiêu 1 năm: 81.400 đồng/cp

Giá cổ phiếu (Ngày 15/06/2023): 73.300 đồng/cp

Nguyễn Trần Phương Nga

ngantp@ssi.com.vn

+84 – 28 3636 3688 ext. 3050

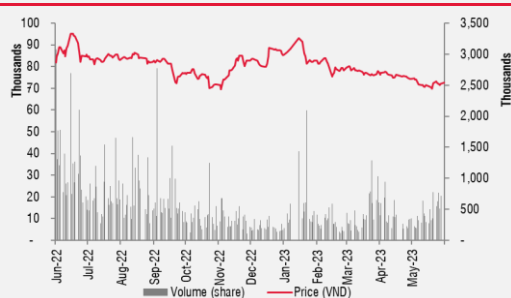
Ngày 16/06/2023

NGÀNH BÁN LẺ

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD)	1.013
Giá trị vốn hoá (tỷ VND)	23.780
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	328
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	97,5/67,5
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	435.203
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	1.40
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	32,95
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	49,0
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	-

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

PNJ là công ty bán lẻ trang sức và đá quý hàng đầu Việt Nam. Hiện nay, PNJ có mạng lưới phân phối rộng khắp với 166 cửa hàng và hơn 3.000 nhà phân phối trên cả nước và có mối quan hệ mật thiết với thị trường Úc, Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản. Ngoài việc kinh doanh vàng miếng, PNJ tập trung vào 5 mảng trang sức chính (i) CAO: Chế tác nữ trang cao cấp nhắm tới nhóm KH là nữ doanh nhân thành đạt, (ii) Đá quý: nhân hàng trang sức và phụ kiện thời trang nhắm tới phân khúc KH có thu nhập trung bình và cao, (iii) PNJ Gold: nhắm tới đối tượng KH nữ trên 30 tuổi, (iv) PNJ Silver: nhắm tới đối tượng KH các cô gái trẻ và giới văn phòng, (v) Yabling: đáp ứng nhu cầu trang sức và phụ kiện của thanh thiếu niên với mức giá thấp.

KQKD tháng 4 phản ánh thực trạng của nền kinh tế hiện tại

KQKD tháng 4/2023 của PNJ thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi, cụ thể, lợi nhuận ròng giảm 24% svck. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng KQKD này đã phản ánh chân thực hơn thực trạng của nền kinh tế chung. Chúng tôi cho rằng lợi nhuận của công ty vẫn có thể giảm hai con số trong Q2/2023 và Q3/2023 do suy thoái kinh tế vẫn có thể ảnh hưởng đến mức tiêu dùng trang sức. Động thái cắt giảm lãi suất của ngân hàng trung ương đã khiến lãi suất điều hành giảm xuống khoảng 200-300 điểm cơ bản so với đầu năm, tuy nhiên vẫn cần thêm một thời gian nữa để động thái này thực sự hỗ trợ nền kinh tế chung. Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu tiêu thụ tổng thể sẽ phục hồi trong Q4/2023. Do đó, lợi nhuận chỉ có thể quay trở lại mức tăng trưởng dương vào Q4/2023. Với kết quả kinh doanh tháng 4 thấp hơn kỳ vọng, chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận ròng năm 2023-2024 lần lượt là -8% và -5% xuống mức 1,74 nghìn tỷ đồng (-4% svck) và 1,96 nghìn tỷ đồng (+13% svck). Chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu mới là **81.400 đồng/cp** (từ 86.000 đồng)/cổ phiếu dựa trên cơ sở định giá năm 2024 (từ mức trung bình năm 2023-2024) và P/E mục tiêu không đổi là 15x. Với tiềm năng tăng giá là 11,1% so với giá cổ phiếu hiện tại, chúng tôi hạ khuyến nghị đối với cổ phiếu xuống **TRUNG LẬP** (từ KHẢ QUAN). PNJ có thể chỉ phù hợp với các nhà đầu tư dài hạn. Ngành bán trang sức trong dài hạn sẽ mang lại lợi nhuận nhờ thu nhập khả dụng dự kiến tăng lên và quá trình chuyển đổi từ thương mại truyền thống sang cửa hàng thương mại hiện đại.

	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	17.511	19.547	33.876	33.446	36.591
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	1.069	1.029	1.807	1.738	1.962
Tăng trưởng LN ròng (%)	-10,4%	-3,8%	75,6%	-3,8%	12,9%
EPS (VND)	3.030	2.941	5.081	4.882	5.428
ROE (%)	21,8%	18,3%	24,7%	18,3%	17,8%
Nợ/VCSH	0,35	0,45	0,31	0,24	0,23
Tỷ suất cổ tức (%)	2%	2%	2%	3%	3%
P/E (x)	18,5	22,7	17,7	14,5	12,8
P/B (x)	3,5	3,6	3,4	2,3	2,0
EV/EBITDA (x)	12,6	16,6	12,5	10,1	9,2

Nguồn: PNJ, SSI Research

KQKD Tháng 4/2023

PNJ đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 2,3 nghìn tỷ đồng (-17% svck) và 110 tỷ đồng (-24% svck) trong tháng 4/2023.

Cơ cấu doanh thu: Mặc dù công ty ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu đi ngang so với cùng kỳ trong Q1/2023, tuy nhiên doanh thu bán lẻ đã giảm đáng kể trong tháng 4 (-21% svck). Doanh thu bán buôn cũng giảm 34% svck trong tháng 4, so với mức giảm 20% svck trong Q1/2023. Ngược lại, doanh thu vàng miếng tăng 27% svck trong tháng 4 (so với mức giảm 7% svck trong Q1/2023). Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức, doanh thu bán lẻ và doanh thu bán buôn càng gặp khó khăn hơn, tuy nhiên, doanh thu vàng miếng ít bị ảnh hưởng hơn do người tiêu dùng có xu hướng tích trữ vàng để tránh lạm phát toàn cầu.

PNJ đã mở 5 cửa hàng mới trong tháng 4. PNJ đã mở 12 cửa hàng mới so với đầu năm, vượt xa ước tính của chúng tôi. Tính tại thời điểm cuối tháng 4, công ty có 376 cửa hàng, bao gồm 355 cửa hàng Vàng, 7 cửa hàng Bạc, 3 cửa hàng CAO Fine Jewelry, 5 cửa hàng Style by PNJ, 3 cửa hàng Art và 3 cửa hàng Watch.

Tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp xuống mức 18,1% trong tháng 4/2023 (so với 19,3% trong tháng 4/2022) do doanh thu vàng miếng cao hơn (doanh thu vàng miếng chiếm 30% tổng doanh thu trong tháng 4/2023 so với mức 19% trong tháng 4/2022). Nếu so sánh với tháng trước, chúng tôi cũng nhận thấy tỷ suất lợi nhuận gộp có phần suy giảm (18,1% trong tháng 4/2023 so với 19,3% trong tháng 3/2023), tuy nhiên, lý do có thể đến từ việc thay đổi cơ cấu sản phẩm trong doanh thu bán lẻ.

Lý kế 4T2023, doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 12 nghìn tỷ đồng (-7% svck) và 859 tỷ đồng (-1% svck), hoàn thành lần lượt 34% và 44% kế hoạch năm 2023. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, Q1 thường là quý cao điểm của PNJ, điều này giải thích cho mức độ hoàn thành kế hoạch cả năm cao như vậy.

Triển vọng

Các yếu tố vĩ mô xấu tác động đến tiêu thụ trang sức chậm. Kể từ Q4/2022, lợi nhuận của các doanh nghiệp bán lẻ đã giảm đáng kể do những thách thức của nền kinh tế. Theo Hội đồng Vàng Thế giới, mức tiêu thụ trang sức tại Việt Nam giảm 18% svck trong Q1/2023 (so với mức tăng trưởng 290% svck trong Q3/2022 và 82% svck trong Q4/2022), điều này phản ánh những khó khăn của nền kinh tế hiện tại, mặc dù tác động chậm hơn so với các ngành nghề khác. Tuy nhiên, mức tiêu thụ trang sức bị tác động chậm hơn so với mức tiêu thụ không thiết yếu khác, điều này thể hiện ở việc doanh thu bán lẻ và doanh thu bán buôn trong tháng 4 giảm mạnh hơn so với kết quả đạt được trong Q1/2023. Có một số nguyên nhân chính như (1) vàng được coi là phương tiện tích trữ giá trị trong bối cảnh lạm phát, (2) PNJ tập trung vào phân khúc trang sức trung cấp thay vì phân khúc bình dân, do đó tác động tiêu cực từ suy thoái kinh tế đến nhóm khách hàng này sẽ chậm hơn và (3) khách hàng của PNJ thường không dựa vào nguồn tài chính tiêu dùng để mua trang sức, do đó sẽ không bị ảnh hưởng từ tình hình thắt chặt tín dụng trong Q1/2023.

Do doanh thu bán lẻ trong tháng 4 thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi và chúng tôi cho rằng những thách thức của nền kinh tế vĩ mô chỉ có thể cải thiện từ Q4/2023, theo đó, **chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận năm 2023-2024 lần lượt là -8% và -5% xuống mức 1,74 nghìn tỷ đồng (-4% svck) và 1,96 nghìn tỷ đồng (+13% svck).** Với vị thế tài chính tốt (hệ số D/E là 0,18x tính đến thời điểm cuối Q1/2023), PNJ dự kiến tiếp tục mở rộng chuỗi cửa hàng để giành thêm thị phần từ các cửa hàng nhỏ lẻ, những cửa hàng gặp khó khăn về vấn đề tài chính trong điều kiện nền kinh tế suy thoái. Các cửa hàng mới sẽ chủ yếu được mở ở các Khu vực Cấp 3, tại đây, sự hiện diện về thương mại hiện đại vẫn còn nhiều hạn chế. Chúng tôi dự báo PNJ sẽ mở 20 cửa hàng mới mỗi năm trong giai đoạn 2023-2024, điều này sẽ giúp PNJ thúc đẩy tăng trưởng doanh thu bán lẻ mặc dù nhu cầu vẫn yếu.

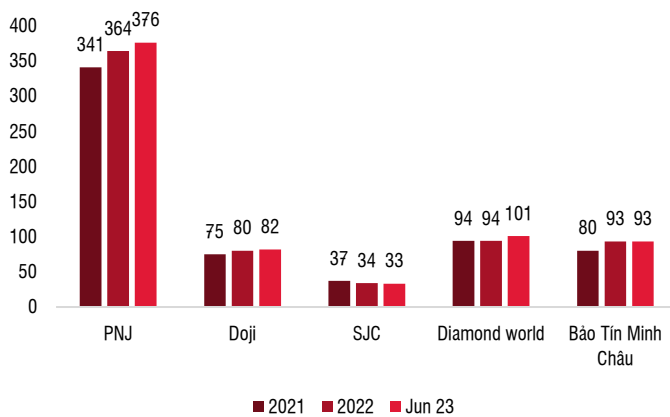
Tỷ đồng	2022	2023	2024	Tăng trưởng 2023 svck	Tăng trưởng 2024 svck
Doanh thu	33.876	33.446	36.591	-1,3%	9,4%
Doanh thu bán lẻ	20.732	21.169	23.804	2,1%	12,4%
Doanh thu bán buôn	4.065	3.455	3.525	-15,0%	2,0%
Doanh thu vàng miếng	8.571	8.314	8.729	-3,0%	5,0%
Khác	508	508	534	0,0%	5,0%
Lợi nhuận gộp	5.927	5.831	6.408	-1,6%	9,9%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	17,5%	17,4%	17,5%		
Lợi nhuận ròng	1.807	1.738	1.962	-3,8%	12,9%

Nguồn: SSI Research

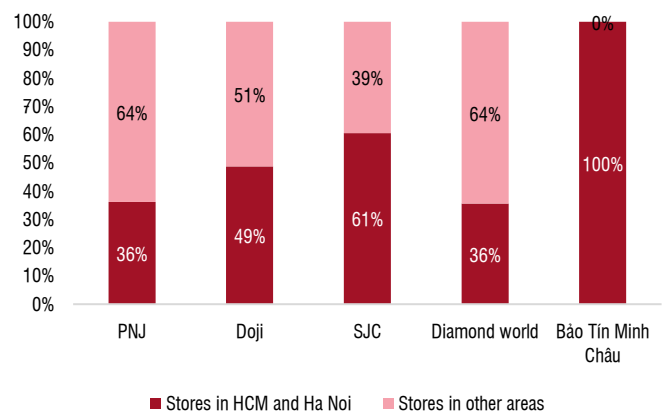
Bối cảnh cạnh tranh trong ngành bán lẻ trang sức: Mặc dù tiêu thụ chậm lại, chúng tôi nhận thấy các chuỗi trang sức tư nhân (như Doji, Thế giới kim cương) tại Việt Nam tiếp tục mở cửa hàng mới để giành thị trường từ các cửa hàng trang sức không có thương hiệu (chiếm 60% tổng nhu cầu năm 2021). Do đó, sự cạnh tranh giữa các chuỗi bán lẻ trang sức có thương hiệu ngày càng gay gắt hơn và PNJ cần duy trì lợi thế cạnh tranh của mình. Với độ nhận diện cao ở các tỉnh thành, PNJ có thể có nhiều cơ hội giành thị phần hơn từ các cửa hàng trang sức không có thương hiệu, hiện đang phổ biến ở khu vực nông thôn hơn là thành thị. PNJ cũng có năng lực sản xuất cao hơn, trong khi các đối thủ cạnh tranh vẫn dựa vào gia công và thương mại.

Hãng trang sức cao cấp thế giới - Tiffany & Co đã khai trương cửa hàng đầu tiên tại TP.HCM vào tháng 4 và hiện có 1 cửa hàng tại Hà Nội và 1 cửa hàng tại TP.HCM. Chúng tôi cho rằng Tiffany chỉ nhắm đến thị trường cao cấp nên có thể không ảnh hưởng nhiều đến PNJ. PNJ hiện có 3 cửa hàng CAO Fine Jewelry (trên tổng số 376 cửa hàng) chuyên kinh doanh trang sức cao cấp.

Số lượng cửa hàng theo chuỗi

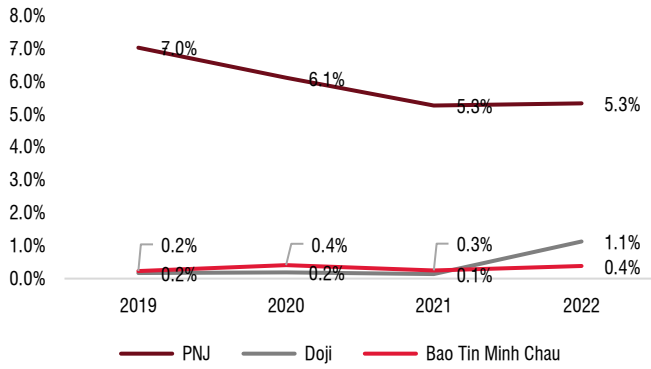


Độ phủ theo khu vực

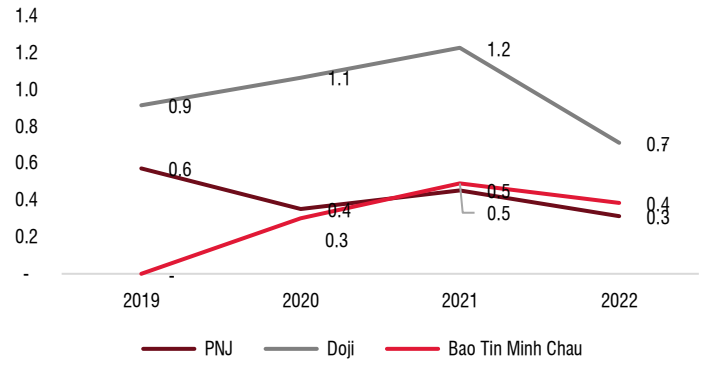


Nguồn: SSI Research, Công ty

Tỷ suất lợi nhuận ròng

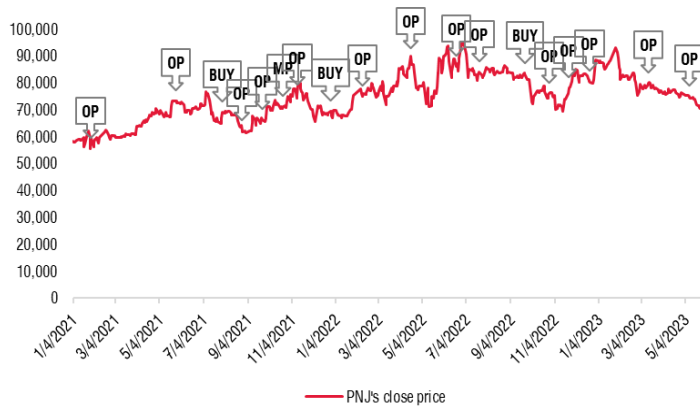


Hệ số D/E



Nguồn: SSI Research tổng hợp

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	355	880	1.853	1.787
+ Đầu tư ngắn hạn	0	200	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	112	293	615	673
+ Hàng tồn kho	8.755	10.506	12.151	13.884
+ Tài sản ngắn hạn khác	70	80	138	151
Tổng tài sản ngắn hạn	9.292	11.958	14.757	16.496
+ Các khoản phải thu dài hạn	84	94	167	183
+ GTCL Tài sản cố định	910	882	844	802
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	31	29	29	29
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	302	358	615	672
Tổng tài sản dài hạn	1.327	1.363	1.655	1.686
Tổng tài sản	10.619	13.321	16.413	18.182
+ Nợ ngắn hạn	4.563	4.723	5.965	6.520
Trong đó: vay ngắn hạn	2.722	2.683	2.485	2.716
+ Nợ dài hạn	43	10	10	10
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	4.606	4.733	5.975	6.529
+ Vốn góp	2.276	2.462	3.347	3.398
+ Thặng dư vốn cổ phần	991	2.251	2.251	2.251
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.950	2.666	3.631	4.795
+ Quý khác	796	1.209	1.209	1.209
Vốn chủ sở hữu	6.013	8.588	10.438	11.653
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	10.619	13.321	16.413	18.182
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-722	94	1.005	383
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-48	-364	-50	-50
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	704	792	18	-398
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-67	521	974	-66
Tiền đầu kỳ	422	355	880	1.853
Tiền cuối kỳ	355	880	1.853	1.787
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,04	2,53	2,47	2,53
Hệ số thanh toán nhanh	0,1	0,29	0,41	0,38
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,08	0,23	0,31	0,27
Nợ ròng / EBITDA	1,3	0,84	0,51	0,29
Khả năng thanh toán lãi vay	13,26	25,55	18,6	19,06
Ngày phải thu	1,2	0,6	0,9	1,2
Ngày phải trả	13,3	6,2	5,4	7
Ngày tồn kho	175,1	125,8	149,7	157,4
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,57	0,64	0,64	0,64
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,43	0,36	0,36	0,36
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,77	0,55	0,57	0,56
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,45	0,31	0,24	0,23
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,45	0,31	0,24	0,23

Nguồn: PNJ, SSI Research

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	19.547	33.876	33.446	36.591
Giá vốn hàng bán	-15.949	-27.950	-27.615	-30.183
Lợi nhuận gộp	3.598	5.927	5.831	6.408
Doanh thu hoạt động tài chính	16	59	59	109
Chi phí tài chính	-118	-146	-124	-136
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-1.688	-2.828	-2.879	-3.142
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-502	-675	-677	-762
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.307	2.336	2.210	2.478
Thu nhập khác	-28	-25	-23	-26
Lợi nhuận trước thuế	1.279	2.311	2.187	2.452
Lợi nhuận ròng	1.029	1.807	1.738	1.962
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.029	1.807	1.738	1.962
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	2.941	5.081	4.882	5.428
Giá trị sổ sách (VND)	26.416	34.885	31.183	34.298
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	1.384	2.405	2.311	2.588
EBITDA	1.459	2.483	2.399	2.680
Tăng trưởng				
Doanh thu	11,6%	73,3%	-1,3%	9,4%
EBITDA	-7,2%	70,2%	-3,4%	11,7%
EBIT	-7,8%	73,8%	-3,9%	12,0%
Lợi nhuận ròng	-3,8%	75,6%	-3,8%	12,9%
Vốn chủ sở hữu	14,7%	42,8%	21,5%	11,6%
Vốn điều lệ	0,0%	8,2%	36,0%	1,5%
Tổng tài sản	25,2%	25,4%	23,2%	10,8%
Định giá				
PE	22,7	17,7	14,5	12,8
PB	3,6	3,4	2,3	2
Giá/Doanh thu	1,1	0,9	0,7	0,6
Tỷ suất cổ tức	2,1%	2,2%	2,6%	2,6%
EV/EBITDA	16,6	12,5	10,1	9,2
EV/Doanh thu	1,2	0,9	0,7	0,7
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18,4%	17,5%	17,4%	17,5%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	7,2%	7,1%	6,8%	6,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	5,3%	5,3%	5,2%	5,4%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	8,6%	8,3%	8,6%	8,6%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,6%	2,0%	2,0%	2,1%
ROE	18,3%	24,7%	18,3%	17,8%
ROA	10,8%	15,1%	11,7%	11,3%
ROIC	14,1%	18,8%	15,2%	15,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng kiêm Trưởng Ban đào tạo
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên Cao cấp Phân tích Ví mô
trinhtt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên Cao cấp Phân tích Cổ phiếu
thanhtk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Phân tích Ngành Bán lẻ

Trần Thùy Trang, ACA

Chuyên viên Cao cấp Phân tích Cổ phiếu
trangtt2@ssi.com.vn
SĐT: +84 – 24 3936 6321 ext. 8705

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên Cao cấp Chiến lược đầu tư
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên Cao cấp Chiến lược đầu tư
baongq1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư
chauttb@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043